TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 42/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 08 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và chia tài sản chung theo Quyết định mở phiên họp số 84/2018/QĐMPH-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Chị **Phạm Thị M**, sinh ngày 12/12/1980.

Nơi ĐKHKTT: Thôn R, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Vương quốc Anh.

Địa chỉ tạm trú: Thôn R, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 08/5/1978.

Nơi ĐKHKTT: Thôn R, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Vương quốc Anh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1972 là người đại diện theo ủy quyền của chị M theo văn bản ủy quyền ngày ngày 20/9/2018.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1975 là người đại diện theo ủy quyền của anh H theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2018.

Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H trình bày vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 18/10/2001 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H trình bày vợ chồng không hợp nên thường cãi nhau. Chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu lao động, rượu chè cờ bạc và hay đánh đập chị. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017. Đến nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

-Về quan hệ con chung: Chị M và anh H cùng xác định có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Anh Đ sinh ngày 21/02/2007, hiện đang ở với anh ruột chị M là anh Phạm Văn C. Khi ly hôn chị M và anh H thống nhất chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H không phải C dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên do chị M đang ở Anh nên anh chị thống nhất anh C tiếp tục chăm sóc con chung thay chị M cho đến khi chị M về Việt Nam đón cháu. Anh C cũng đồng ý và xác định chi phí chăm sóc do anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị M và anh H cùng xác định có tài sản chung gồm đất ở tại xã P, huyện N, được cấp GCNQSDĐ số BX 893317 và ngôi nhà trên đất; 2 thửa đất ở tại xã P, huyện N được cấp GCNQSDĐ số BX 879149 và BX 879150; đất ở tại khu 8 phường V, thành phố H được cấp GCNQSDĐ số BX 928824. Khi ly hôn chị M và anh H thỏa thuận giao toàn bộ các tài sản trên cho chị M. Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí giám định: Chị M tự nguyện chịu cả chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị M tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị M và anh H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn. Anh chị hiện đang sinh sống ở Anh, có hộ khẩu thường trú ở tỉnh Hải Dương nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt của anh H gửi về từ Anh tuy không có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Anh nhưng đã được giám định đường vân so với đường vân của anh H lưu trữ tại Công an tỉnh

Hải Dương và được kết luận là cùng một người theo Kết luận giám định số 15/KLGĐ ngày 26/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương nên được công nhận hợp pháp.

Tại phiên họp có mặt anh C và anh L; vắng mặt chị M, anh H nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt và có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên họp nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 18/10/2001 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh H xác định nguyên nhân do vợ chồng không hợp, chị M xác định nguyên nhân do anh H không chịu lao động. Anh chị ly thân từ cuối năm 2017. Đến nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Mặc dù chị M và anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng đều xác định vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị M trình bày anh H đánh đập chị. Như vậy tình trạng vợ chồng giữa chị M và anh H đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, giao cả hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Anh Đ sinh ngày 21/02/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do anh Phạm Văn C chăm sóc thay chị M trong thời gian chị M không ở Việt Nam. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chi phí chăm sóc các cháu do anh C và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh H có 04 thửa đất đều đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp. Đối với ngôi nhà trên thửa đất 139m^2 tại thửa số 561, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện N, được cấp GCNQSDĐ số BX 893317, mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà nhưng anh H và chị M cùng xác định là tài sản chung, không có tranh chấp và được UBND xã P, huyện Ninh Ging xác nhận nên công nhận đây là tài sản chung hợp pháp giữa chị M và anh H.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị M và anh H là tự nguyện và phù hợp với khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, giao toàn bộ tài sản chị M và anh H đã xác định cho chị M.

[5] Về chi phí giám định: Chị M tự nguyện chịu cả chi phí giám định, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[6] Về lệ phí: Chị M tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương pL biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M và anh H. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh H, giao cả hai con chung và do anh ruột của chị M tiếp tục chăm sóc cho đến khi chị M về đón các cháu. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh H, giao cho chị M toàn bộ tài sản chung gồm quyền sử dụng đất ở tại xã P, huyện N, được C GCNQSDĐ số BX 893317 và quyền sở hữu ngôi nhà trên đất; quyền sử dụng đất ở tại xã P, huyện N được C GCNQSDĐ số BX 879149; số BX 879150; quyền sử dụng đất ở tại khu 8 phường V, thành phố H được C GCNQSDĐ số BX 928824. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn H về việc chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Anh Đ sinh ngày 21/02/2007 đến khi trưởng thành và do anh Phạm Văn C, sinh năm 1972 tại thôn B, xã P, huyện N tiếp tục chăm sóc cho đến khi chị M về đón các cháu. Anh H không phải C dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn H về việc giao cho chị M các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại xã P, huyện N, được cấp GCNQSDĐ số BX 893317 và quyền sở hữu ngôi nhà trên đất;

- Quyền sử dụng thửa đất tại xã P, huyện N được cấp GCNQSDĐ số BX 879149;

- Quyền sử dụng thửa đất tại xã P, huyện N được cấp GCNQSDĐ số BX 879150;

- Quyền sử dụng thửa đất tại khu 8 phường V, thành phố H được cấp GCNQSDĐ số BX 928824.

4. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do chị M đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2017/0004325 ngày 08/10/2018**. Chị M đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 08/11/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Đăng Huy